

THÔNG BÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý III
năm 2026 trên địa bàn xã Trại Cau**

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 19/12/2026 của HĐND xã Trại Cau về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Trại Cau ;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Trại Cau về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Trại Cau;

Căn cứ Công văn số 3073/STC- TH&QLNS ngày 05/4/2026 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện công khai ngân sách cấp xã ;

Ủy ban nhân dân xã Trại Cau công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý III năm 2026 trên địa bàn xã Trại Cau, cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách

(Có biểu số 54, 55, 56.1 và thuyết minh chi tiết kèm theo)

II. Hình thức công khai

Công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã; thông báo trên hệ thống truyền thanh xã và Cổng thông tin điện tử xã Trại Cau

III. Thời điểm công khai

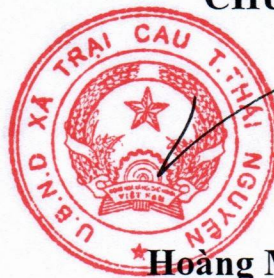
Thời điểm công khai bắt đầu từ khi Thông báo này được ký.

Trên đây là thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý sách nhà nước quý III năm 2026 trên địa bàn xã Trại Cau.

Nơi nhận:

- UBND xã Trại Cau;
- Các phòng, ban, đoàn thể xã
- Cổng thông tin điện tử xã Trại Cau;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

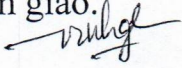


Hoàng Mạnh Hùng

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 35,961 tỷ đồng, lũy kế 85,683 tỷ đồng bằng 66% dự toán giao, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 8,039 tỷ đồng, lũy kế 8,965 tỷ đồng bằng 160,3% dự toán giao.

+ Chi thường xuyên: 27,922 tỷ đồng, lũy kế 76,718 tỷ đồng bằng 62,9% dự toán giao.



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 109/TB-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Trại Cau)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý III	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	26,656	14,622	40,421	151,6%	338,0%
I	Thu nội địa	26,656	14,622	40,421	151,6%	338,0%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	129,827	58,093	161,777	124,6%	44,0%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	23,776	13,261	37,460	157,6%	310,0%
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	11,652	8,136	30,339	260,4%	19,0%
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	12,124	5,125	7,121	58,7%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	106,051	38,326	117,811	111,1%	30,0%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	63,583	15,195	48,388	76,1%	96,0%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	42,468	23,131	69,423	163,5%	21,0%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn		6,506	6,506		
VI	Thu từ nguồn đóng góp					
C	TỔNG CHI NSDP	129,827	35,961	85,683	66,0%	46,0%
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	129,827	35,961	85,683	66,0%	46,0%
1	Chi đầu tư phát triển	5,592	8,039	8,965	160,3%	
2	Chi thường xuyên	122,062	27,922	76,718	62,9%	36,0%
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	2,173	-	-	0,0%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 109/TB-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Trại Cau)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	26,656	14,622	40,421	151,6%	338,0%
I	Thu nội địa	26,656	14,622	40,421	151,6%	338,0%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		-0,395	0,008		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5,775	6,197	17,127	296,6%	383,0%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1,623	0,288	1,001	61,68%	90,00%
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	4,398	1,783	5,940	135,1%	156,0%
	Trđó: Lệ phí trước bạ	4,213	1,205	4,160	98,7%	110,0%
7	Các khoản thu về nhà, đất	14,325	6,086	15,426	107,7%	519,0%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0,041	0,013	0,030	73,2%	170,0%
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	9,384	0,043	7,018	74,8%	
-	Thu tiền sử dụng đất	4,9	6,030	8,378	171,0%	517,0%
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển			0,008	0,0%	
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	0,535	0,663	0,911	170,3%	970,0%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0,000	0,000		
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác	0	0,000	0,000		
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	23,776	13,261	37,460	157,6%	310,0%
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	12,124	5,125	7,121	58,7%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	11,652	8,136	30,339	260,4%	190,0%

Trichgel



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 109/TB-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Trại Cau)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý III	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	129,827	35,961	85,683	66,0%	46,0%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	129,827	35,961	85,683	66,0%	46,0%
I	Chi đầu tư phát triển	5,592	8,039	8,965	160,3%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	5,592	8,032	8,958	160,2%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia		0,007	0,007		
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	122,062	27,922	76,718	62,9%	36,0%
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	79,614	16,759	46,358	58,2%	35,0%
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,46	0,277	0,399	86,7%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	2,173			0,0%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	0	0	0		
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

Trại Cau